

Tuân thủ Quy Định (EC) số 1907/2006 (REACH- Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất), Phụ lục II, được sửa đổi theo Quy Định (EU) số 2015/830 - Việt Nam

PHẦN 1: Định danh chất/pha chế và công ty/công việc

1.1 Dấu hiệu nhận biết sản phẩm

Tên sản phẩm : Hempadur Avantguard 750 Base
Lai lịch sản phẩm : 1736U19830
Loại sản phẩm : sơn lót epoxy kẽm

1.2 Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Field of application : Ngành kim loại
hỗn hợp có sẵn : 1736G = 1736U 17 Vol/ 97043 3 Vol
Mục đích sử dụng : Ứng dụng công nghiệp, Dùng bằng cách phun.

1.3 Các chi tiết về nhà cung cấp bản dữ liệu an toàn

Chi tiết công ty : Công ty TNHH HEMPEL VIETNAM
Nhà xưởng số 30 & 31, Đường số 7
Khu Công nghiệp Long Thành
xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng
nai.
ĐT: +84 251 281 4200
Ngày phát hành : 19 Tháng Tư 2021
Ngày phát hành lần trước : 11 Tháng Năm 2019.

1.4 Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp (vời giờ hoạt động)
+84 251 281 4200 (08.00-17.00)
Xem Phần 4 của bảng dữ liệu an toàn (các biện pháp cứu
trợ đầu tiên).

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1 Mức xếp loại nguy hiểm

Định nghĩa sản phẩm : Hỗn hợp

Phân loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)

CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3
ẤN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2
TỒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A
NHAY DA - Loại 1
HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 1
HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 1

Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khoẻ.

2.2 Các thành phần của nhãn

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo :

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ :

H226 - Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H315 - Gây kích ứng da.
H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H410 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các công bố về phòng ngừa :

Ngăn chặn :

Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc. Sử dụng thiết bị điện, thông gió hoặc chiếu sáng được kiểm định chống nổ. Sử dụng các công cụ không phát tia lửa. Hành động để ngăn phóng tĩnh điện. Tránh thải ra môi trường. Tránh hít thở hơi. Rửa kỹ lưỡng sau khi xử lý.

Phản ứng :

Thu gom chất tràn. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA: Hãy rửa sạch bằng nhiều nước. Nếu xảy ra kích ứng hoặc mẩn đỏ da: Hãy tìm chăm sóc hoặc là tư vấn y tế. NẾU BỊ ĐÍNH VÀO MẮT: Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn còn dai dẳng: Hãy tìm chăm sóc hoặc là tư vấn y tế.

Lưu trữ :

Đặt giữ ở một nơi thông gió tốt. Giữ lạnh.

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Xử lý : Cất bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Thành phần nguy hiểm : zinc powder - zinc dust (stabilized)
 middlemolecular epoxyresin
 xylene
 butan-1-ol
 (C12-C14) Alkylglycidylether

2.3 Các nguy hại khác

Các hiểm họa khác không cần phải Không biết chất nào.
 được phân loại :

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

3.2 Các hỗn hợp

Tên sản phẩm/thành phần	Các dấu hiệu nhận biết	%	Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)
zinc powder - zinc dust (stabilized)	7440-66-6	≥50 - ≤75	HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 1 HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 1
middlemolecular epoxyresin	25068-38-6	≥5 - ≤10	ẤN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2 TÀN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A NHAY DA - Loại 1
xylene	1330-20-7	≥5 - ≤10	HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2 CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3 ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 4 ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4 ẤN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2
zinc oxide	1314-13-2	≥3 - ≤5	HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 1 HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 1
butan-1-ol	71-36-3	≥1 - <3	CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3 ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 4 ẤN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2 TÀN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 1
ethylbenzene	100-41-4	≥1 - ≤3	ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Kích ứng đường hô hấp) - Loại 3 ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3 CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 2 ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4 ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI - Loại 2
(C12-C14) Alkylglycidylether	68609-97-2	≥1 - ≤3	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1 ẤN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2 NHAY DA - Loại 1

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu

Tổng quát : Nếu nghi ngờ hay khi triệu chứng không giảm, phải đưa đi bác sĩ. Không được nuốt bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh.
 Nếu thở không thường xuyên, mất ý thức hoặc chuột rút: Gọi 115 và điều trị ngay lập tức (cấp cứu).

Tiếp xúc mắt : Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấp mí mắt trên và dưới để rửa. Tìm hỗ trợ y tế ngay.

Hít phải : Đưa ra ngoài chỗ thoáng khí. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu bất tỉnh, đặt nằm ở vị trí phục hồi và tìm hỗ trợ y tế.

Tiếp xúc ngoài da : Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Dùng sữa rửa mặt hay chất pha loãng.

Nuốt phải : Nếu nuốt phải, hỏi ý kiến bác sĩ ngay và cho thấy bình chứa hay nhãn hiệu. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Hạ đầu thấp xuống để chất ói mưa ra không chảy lại vào miệng và họng.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.2 Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt :	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Hít phải :	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da :	Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Nuốt phải :	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt :	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
Hít phải :	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da :	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
Nuốt phải :	Không có thông tin cụ thể gì.

4.3 Dấu hiệu cần thiết phải được bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị :	Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
Điều trị cụ thể :	Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1 Phương tiện dập tắt

Phương tiện dập tắt :	Đề nghị: Dùng bình chữa cháy loại D được phê chuẩn hay dập lửa bằng cát khô, đất sét khô hay vôi đất khô. KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG: NƯỚC. Nguy cơ tạo thành hơi rất dễ gây cháy và nổ
-----------------------	---

5.2 Các nguy hại đặc biệt nảy sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp :	Hơi và chất lỏng dễ cháy. Dễ chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Vật liệu này rất độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.
-------------------------------------	---

Các sản phẩm dễ gây nguy hiểm đốt cháy :	Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: cacbon oxit hợp chất halogen hóa oxit kim loại
--	---

5.3 Hướng dẫn cho các nhân viên chữa cháy

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Đám cháy sẽ sinh sản ra khói đen dày. Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Đề giữ cho các bình chữa cháy kỹ khi bị phơi ra lửa được mát bằng cách xối nước lạnh lên trên các thùng này. Không thả các sản phẩm cháy vào các cống rãnh hoặc dòng nước. Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hỏa chất.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1 Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Đừng dùng nước. Có thể xảy ra phản ứng dữ dội. Cẩn thận. Có thể phát cháy và gây nổ. Làm thông thoáng khu vực. Tránh hít hơi hay sương. Tham khảo biện pháp bảo vệ liệt kê trong phần 7 và 8. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu sản phẩm làm nhiễm ao hồ, sông ngòi hay cống rãnh, báo ngay cho cơ quan hữu trách theo quy định của địa phương.

6.2 Đề phòng cho môi trường

Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.

6.3 Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Bị đổ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

6.4 Tham khảo các mục khác

Xem Mục 1 để biết thông tin liên lạc khẩn cấp.
Xem Mục 8 để biết thông tin về trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
Xem Mục 13 để biết thêm thông tin về việc xử lý chất thải.

PHẦN 7: Yêu cầu về cất giữ

7.1 Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Hơi khí có thể nặng hơn không khí và lan rộng trên sàn. Hơi khí có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí. Chống việc tạo thành hỗn hợp hơi cháy và nổ trong không khí và tránh nồng độ hơi cao hơn giới hạn Có chứa các phần tử epoxy. Tránh da tiếp xúc với epoxy và amine có trong sản phẩm, có thể gây ra dị ứng. Cần thận khi mở nắp, nguy cơ áp lực cao. Tránh hít phải hơi, bụi và hơi sơn khi phun. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Cấm ăn, uống và hút thuốc trong khu vực bảo quản, sản xuất và xử lý hóa chất này. Các thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp: Xem phần 8. Luôn trữ trong thùng chứa có vật liệu chế tạo giống như thùng chứa ban đầu.

7.2 Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

Tồn trữ phù hợp với qui định địa phương về chất lỏng dễ cháy Lưu trữ ở khu mát, thông thoáng, cách xa chất không tương thích và nguồn phát tia lửa. Để tránh xa ra tầm tay với của trẻ em. Tránh xa: chất ô xy hoá, chất kiềm mạnh, acid mạnh cũng như amine, chất cõn và nước. Cấm hút thuốc. Tránh tiếp xúc không được phép. Thùng chứa đã mở phải cẩn thận đóng lại và giữ thẳng đứng để tránh bị rò rỉ

7.3 (Các) hoạt động sử dụng sau cùng cụ thể

Các giải pháp riêng cho lĩnh vực công nghiệp.

PHẦN 8: Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Tên sản phẩm/thành phần	Giá trị giới hạn phơi nhiễm
Xylene	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019). TWA: 100 mg/m ³ 8 giờ. STEL: 300 mg/m ³ 15 phút.
butan-1-ol	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019). TWA: 150 mg/m ³ 8 giờ.
ethylbenzene	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2020). TWA: 20 ppm 8 giờ.

Quy trình theo dõi đề nghị

Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp. Cần tham khảo các tài liệu về tiêu chuẩn theo dõi, như: Tiêu Chuẩn Châu Âu EN 689 (Không khí nơi làm việc – Hướng dẫn đánh giá phơi nhiễm do hít phải các tác nhân hóa học để so sánh với các giá trị giới hạn và chiến lược đo lường) Tiêu Chuẩn Châu Âu EN 14042 (Không khí nơi làm việc – Hướng dẫn áp dụng và sử dụng các quy trình để đánh giá việc phơi nhiễm với các tác nhân hóa học và sinh học) Tiêu Chuẩn Châu Âu EN 482 (Không khí nơi làm việc – Yêu cầu chung về việc thực hiện các quy trình đo lường các tác nhân hóa học) Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Arrange sufficient ventilation by local exhaust ventilation and good general ventilation to keep the airborne concentrations of vapors or dust lowest possible and below their respective threshold limit value. Ensure that eyewash stations and safety showers are proximal to the work-station location.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Tổng quát : Phải mang găng tay trong tất cả các công việc gây bắn. Phải mặc / mang tạp dề / áo liền quần / quần áo bảo hộ trong những trường hợp áo quần thông thường không đủ bảo vệ da khỏi tiếp xúc hoá chất. Phải sử dụng kính an toàn khi có khả năng nổ.

PHẦN 8: Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân




Biện pháp vệ sinh :	Rửa tay, căng tay và mặt hoàn toàn sau khi thao tác với hoá chất và trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng phòng vệ sinh và vào cuối ngày
Bảo vệ mắt :	Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.
Bảo vệ tay :	<p>Đeo găng tay chống hóa chất (EN374) kết hợp với đào tạo cơ bản cho nhân viên. Chất lượng của găng tay bảo vệ chống hóa chất phải được lựa chọn theo đúng đặc tính của nơi làm việc và hàm lượng các chất độc hại.</p> <p>Kem này không thay thế găng tay và không nên bôi trước khi mang găng. Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây:</p> <p>Khuyến cáo: Găng tay Bạc Bạc., polyvinyl alcohol (PVA), Viton® Có thể được sử dụng: cao su nitril Phơi nhiễm ngắn hạn: cao su neoprene, Cao su butyl, cao su thiên nhiên (mủ cao su), polyvinyl chloride (PVC)</p>
Bảo vệ thân thể :	Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Mặc áo quần bảo hộ phù hợp. Luôn mặc áo quần bảo hộ phù hợp khi phun xịt.
Bảo vệ hô hấp :	Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Nếu khu vực làm việc có hệ thống thông gió không đầy đủ: Khi sản phẩm được áp dụng bằng cách không tạo ra một bình xịt, dùng cọ sơn hay con lăn: đeo mặt nạ được trang bị bộ lọc khí của loại A nửa mặt hay che hoàn toàn, khi nghiền sử dụng bộ lọc hạt loại P. Nhớ sử dụng bình thờ hay dụng cụ tương đương được chấp thuận/chứng nhận.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1 Thông tin về các tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý :	Chất lỏng.
Màu sắc :	
Mùi :	Giống dung môi.
pH :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Điểm chảy/điểm đông :	419.85°C Điều này được dựa trên dữ liệu về thành phần sau đây: Zinc
Điểm sôi/Vùng nhiệt độ sôi :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Điểm bùng cháy :	Cốc đậy kín: 25°C (77°F)
Tỷ lệ hóa hơi :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Khả năng cháy :	Rất dễ cháy khi có hiện diện của các chất này hay những điều kiện sau: ngọn lửa trần, tia lửa hay phóng tĩnh điện và heat.
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên :	0.8 - 11.3 vol %
Áp suất hóa hơi :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Tỷ trọng hơi :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Trọng lực cụ thể :	2.512 g/cm ³
(Các) độ tan :	Hòa tan một phần trong các vật liệu sau đây: nước lạnh và nước nóng.
Hệ số phân chia (LogKow) :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Nhiệt độ tự cháy :	Giá trị thấp nhất được biết: 355°C (671°F) (butan-1-ol).
Nhiệt độ phân hủy :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Tính dẻo :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

ethylbenzene	LD50 Đường miệng	Chuột	790 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Thỏ	>5000 mg/kg	-
(C12-C14) Alkylglycidylether	LD50 Đường miệng	Chuột	3500 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Chuột	>4500 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	>5000 mg/kg	-

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Đường miệng mg/kg	Ngoài da mg/kg	Hít vào (các chất khí) ppm	Hít vào (các chất hơi) mg/l	Hít vào (bụi và các thể sương) mg/l
Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.					
Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.					

Kích ứng/Ấn mồn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm
zinc powder - zinc dust (stabilized)	Da - Kích ứng nhẹ	Con người	-	72 giờ 300 Micrograms Intermittent
	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	24 giờ 5 milligrams
xylene	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams
	Da - Gây dị ứng	Thỏ	-	-
zinc oxide	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams
butan-1-ol	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	24 giờ 2 milligrams
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 20 milligrams
ethylbenzene	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 15 milligrams
	Hô hấp - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-
(C12-C14) Alkylglycidylether	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-
	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	-

Chất làm nhạy

Tên sản phẩm/thành phần	Cách phơi nhiễm	Loài	Kết quả
middlemolecular epoxyresin (C12-C14) Alkylglycidylether	da	Chuột thí nghiệm	Nhạy cảm
	da	Chuột thí nghiệm	Nhạy cảm

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên sản phẩm/thành phần	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
butan-1-ol	Loại 3 Loại 3		Kích ứng đường hô hấp Các tác dụng gây mê

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Tên sản phẩm/thành phần	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
ethylbenzene	Loại 2	-	cơ quan thính giác

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả
ethylbenzene	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra

Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Nhạy cảm : Chứa middlemolecular epoxyresin, (C12-C14) Alkylglycidylether. Có thể sản sinh dị ứng.

Thông tin cần thiết khác : Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

12.1 Độc Tính

Đừng để chảy vào cống hay dòng nước. Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
zinc powder - zinc dust (stabilized)	Cấp tính EC50 0.3 mg/l Nước biển	Tảo	72 giờ
	Cấp tính EC50 0.354 mg/l Nước ngọt	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính LC50 0.238 - 0.269 mg/l Nước ngọt	Cá	96 giờ
	mãn tính EC10 27.3 µg/l Nước ngọt	Tảo - Pseudokirchneriella subcapitata - Giai đoạn tăng trưởng cấp số mũ	72 giờ
	mãn tính EC10 59.2 µg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	21 ngày
	mãn tính NOEC 9 mg/l Nước ngọt	Thảo mộc trong nước - Ceratophyllum demersum	3 ngày
	mãn tính NOEC 178 µg/l Nước biển	Loài tôm cua - Palaemon elegans	21 ngày
	mãn tính NOEC 2.6 µg/l Nước ngọt	Cá - Cyprinus carpio	4 tuần
	Cấp tính EC50 >100 mg/l	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính LC50 >100 mg/l	Cá	96 giờ
middlemolecular epoxyresin	EC50 0.413 mg/l	Daphnia	48 giờ
	LC50 0.1169 mg/l	Cá	96 giờ
zinc oxide	Cấp tính EC50 0.17 mg/l	Tảo - Pseudokirchneriella subcapitata - Giai đoạn tăng trưởng cấp số mũ	72 giờ
	Cấp tính EC50 1 mg/l	Daphnia - Pseudokirchneriella subcapitata - Giai đoạn tăng trưởng cấp số mũ	48 giờ
butan-1-ol	Cấp tính LC50 24600 µg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna - Sơ sinh	48 giờ
	Cấp tính EC50 1328 mg/l	Daphnia	96 giờ
ethylbenzene (C12-C14) Alkylglycidylether	Cấp tính LC50 1.376 mg/l	Cá	96 giờ
	mãn tính NOEC <1000 µg/l Nước ngọt	Tảo - Pseudokirchneriella subcapitata	96 giờ
	Cấp tính IC50 843.75 mg/l	Tảo	72 giờ
	Cấp tính LC50 5000 mg/l	Cá	96 giờ

12.2 Độ bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiêu chuẩn
xylene	OECD 301F Ready Biodegradability - Manometric Respirometry Test	90 - 98 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
	-	>60 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
butan-1-ol	OECD 301D Ready Biodegradability - Closed Bottle Test	92 % - 20 ngày	-	-
	-	>70 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
ethylbenzene (C12-C14) Alkylglycidylether	-	87 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
	-	-	-	-

Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rửa
xylene	-	-	Dễ dàng
zinc oxide	-	-	Không dễ
butan-1-ol	-	-	Dễ dàng
ethylbenzene	-	-	Dễ dàng
(C12-C14) Alkylglycidylether	-	-	Dễ dàng

12.3 Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
middlemolecular epoxyresin	2.64 - 3.78	31	thấp
xylene	3.12	8.1 - 25.9	thấp
zinc oxide	2.2	60960	cao
butan-1-ol	1	3.16	thấp
ethylbenzene	3.6	-	thấp
(C12-C14) Alkylglycidylether	3.77	160 - 263	thấp

12.4 Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc}) : Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.

Tính cơ động : Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.

12.5 Kết quả đánh giá PBT (Độ Bền, Tích Tụ Sinh Học, và Độc) và vPvB (Độ Bền Rất Cao, Tích Tụ Sinh Học Rất Nhiều)

This mixture does not contain any substances that are assessed to be a PBT or a vPvB.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

12.6 Hậu quả xấu khác

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

PHẦN 13: Yêu cầu trong việc thải bỏ

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải






Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Phần còn lại của sản phẩm coi như chất thải độc hại. Xử lý loại bỏ theo những qui định phù hợp của địa phương. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Các loại vải hay vật liệu tương tự dùng lau hoá chất đổ ra, hoá chất còn lại trong thùng hay bỏ đi phải đặt trong thùng chứa chống cháy

Đóng gói

Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được.

PHẦN 14: Yêu cầu trong vận chuyển

Giao thông vận tải có thể diễn ra theo quy định quốc gia hoặc ADR cho vận chuyển bằng đường bộ, RID đối với vận chuyển bằng xe lửa, IMDG cho vận chuyển bằng đường biển, IATA cho vận chuyển bằng đường hàng không.

	14.1 Số UN	14.2 Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền	14.3 (các) nhóm nguy hại vận chuyển	14.4 PG*	14.5 Env.*	Thông tin bổ sung
Phân loại ADR/RID	UN1263	Sơn	3  	III	Vàng.	
Phân loại IMDG	UN1263	PAINT. (Zinc)	3  	III	Yes.	The marine pollutant mark is not required when transported in sizes of ≤5 L or ≤5 kg. Emergency schedules F-E, S-E
Phân loại IATA	UN1263	PAINT	3 	III	Yes.	The environmentally hazardous substance mark may appear if required by other transportation regulations.

PG* : Quy cách đóng gói

Env.* : Môi nguy cho môi trường

14.6 Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng

Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

14.7 Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO

Không áp dụng.

PHẦN 15: Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

15.1 Quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường riêng cho chất hoặc hỗn hợp

PHẦN 16: Thông tin cần thiết khác

Các chữ viết tắt và từ viết tắt bằng chữ đầu :

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
DNEL = Mức không tác động dẫn suất
PNEC = Nồng độ không tác dụng được dự đoán
RRN = Số đăng ký REACH

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

PHẦN 16: Thông tin cần thiết khác

Phân loại	Cơ sở lý luận
<input checked="" type="checkbox"/> HẠT LÔNG DỄ CHÁY - Loại 3 <input checked="" type="checkbox"/> ẮN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2 <input checked="" type="checkbox"/> TỒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A <input checked="" type="checkbox"/> NHẢY DA - Loại 1 <input checked="" type="checkbox"/> HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 1 <input checked="" type="checkbox"/> HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 1	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán

Người đọc lưu ý

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Modified data or content compared with the previous version are marked with a triangular marker in the upper-left corner within the Safety Data Sheet.

The information contained in this safety data sheet is based on the present state of knowledge and EU and national legislation. It provides guidance on health, safety and environmental aspects for handling the product in a safe way and should not be construed as any guarantee of the technical performance or suitability for particular applications.

It is always the duty of the user/employer to ascertain that the work is planned and carried out in accordance with the national regulations.